

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-03-2022  
V/v tranh chấp về ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh
2. Bà Hoàng Thị Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Linh H**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: DV2-LK50 – Khu đất dịch vụ H, tổ 7, phường Y, quận H, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Hà Xuân T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: SN 14, đường số 1, tổ 23 Khu đô thị T (Lô 4.46, tổ 37 cũ), phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*(Chị H, anh T đều vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Linh H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Xuân T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào ngày 31/12/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 06 tháng, thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm cãi vã nhau. Đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện, hai bên gia đình tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Đến tháng 5 năm 2021, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị đưa con về nhà mẹ đẻ chị ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Xuân T.

Về con chung: Chị và anh Hà Xuân T có 01 con chung là Hà Thảo M, sinh ngày 15/01/2021. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Hà Xuân T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về phần tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại Bản tự khai của anh Hà Xuân T thể hiện:** Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc cùng với bố mẹ anh T ở phường T, thành phố Thái Bình. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm cãi vã nhau. Đến tháng 5/2021 chị H đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gia đình anh có hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa thuận được. Đến nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xét thấy vợ chồng có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Hà Thảo M, sinh ngày 15/01/2021, do con còn bé nên anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cho chị H theo quy định của pháp luật. Về phần tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không cho ai vay chung, không nợ chung ai tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 162, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị H được ly hôn anh T. Ly hôn, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thảo M, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con M cho chị H 1.000.000 đồng/tháng đến khi con M đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, buộc anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay không ai quan tâm đến ai, chị H và anh T đến nhất trí ly hôn, xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị H và anh T.

[3.2] Về quan hệ con cái: Chị Trần Thị Linh H và anh Hà Xuân T có 01 con chung là Hà Thảo M, sinh ngày 15/01/2021. Do con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, chị H có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực

tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thảo M và buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 03/2022 đến khi con M đủ 18 tuổi.

[3.3] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị H, anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung ai và không cho ai vay chung tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Linh H và anh Hà Xuân T.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị Linh H trực tiếp nuôi dưỡng con Hà Thảo M, sinh ngày 15/01/2021. Anh Hà Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hà Thảo M cho chị Trần Thị Linh H 1.000.000 đồng/tháng đến khi con M đủ 18 tuổi.

Anh Hà Xuân T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Hà Xuân T, chị Trần Thị Linh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị Linh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000397 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Trần Thị Linh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Hà Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Linh H, anh Hà Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*T hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh

Thái Bình;

- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 92 ngày 31/12/2020)

- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị H**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 92 ngày 31/12/2020)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị H**